

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUYÊN HOÁ
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2022/HNGĐ-ST

Ngày 29 - 9 - 2022

V/v “Ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUYÊN HOÁ, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đoàn Thị Bích Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Lợi

Bà Bùi Thị Kim Nhung

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Linh Chi - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình:
Không tham gia phiên toà.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 55/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2022 về việc “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2022/QĐST-DS ngày 31/8/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 1989.

Nơi ĐKKHKT: Thôn L, xã K, huyện H, tỉnh Quảng Bình.

Hiện tạm trú tại: Thôn 1, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Bình.

Nơi làm việc: Trạm y tế xã T, huyện H, tỉnh Quảng Bình (có mặt).

Bị đơn: Anh Trần Văn L, sinh năm: 1979.

Địa chỉ: Thôn L, xã K, huyện H, tỉnh Quảng Bình (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 14/06/2022, bản tự khai ngày 18/7/2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Trần Văn L tìm hiểu và đi đến kết hôn với nhau trên cơ sở hai bên hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K vào ngày 25/5/2018. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau tại gia đình chồng ở thôn L, xã K. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2019 bắt đầu

phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh L luôn áp đặt cuộc sống của chị T theo ý mình, đồng thời chị T cũng có mâu thuẫn với bố mẹ chồng và bị bố mẹ chồng đuổi ra khỏi nhà. Đến tháng 5/2019 chị T đang mang thai 03 tháng vì không chịu đựng được nữa nên đã bỏ về nhà ngoại ở thôn 1, xã T sống và sau đó sinh con. Sau khi sinh con được 10 ngày thì anh L đến nhà ngoại gây gổ đòi đánh đập chị T và chửi bới bố mẹ chị T. Khi con chung của vợ chồng được 02 tháng tuổi chị T về tại nhà chồng gặp anh L để mượn giấy tờ đi khai sinh cho con anh L không đồng ý mà còn dọa nạt đòi đánh chị T, kể từ thời gian đó chị T và anh L không còn liên lạc gì với nhau nữa và một mình nuôi dạy con. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Hiện tại tình cảm vợ chồng không còn nữa nên chị T có nguyện vọng xin được ly hôn với anh Trần Văn L.

Về con chung: Vợ chồng có một đứa con chung tên là Trần Thị Thiện N, sinh ngày 10/11/2019. Hiện nay đang ở cùng chị T. Sau khi ly hôn chị T có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi con vì chị T có công việc thu nhập ổn định, là nhân viên trạm y tế xã Thanh Thạch thu nhập mỗi tháng là 4.333.000đồng. Chị T yêu cầu anh L cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng).

Về tài sản chung và công nợ chung của vợ chồng: Chị T trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 12/8/2022 anh Trần Văn L trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị T tìm hiểu và kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã K vào ngày 25/5/2018. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại nhà bố mẹ chồng ở thôn L, xã K được 01 tháng thì chị T bỏ lên nhà ngoại sống với bố mẹ đẻ ở thôn 1 xã T, huyện H, tỉnh Quảng Bình. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng nửa năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh L muốn tách hộ khẩu riêng của hai vợ chồng thì mẹ chị T không đồng ý và bắt anh L phải nhập hộ khẩu chung với nhà vợ nhưng anh L không nhất trí. Từ đó vợ chồng bắt đầu xích mích và sống ly thân, không liên lạc và cũng gặp nhau nữa. Nay chị T làm đơn xin ly hôn, anh L cũng đồng ý vì tình cảm vợ chồng đã hết.

Về con chung: Theo anh L trình bày: Vợ chồng có một đứa con chung tên là Trần Thị Thiện N, sinh ngày 10/11/2019. Hiện nay đang ở cùng chị T. Sau khi ly hôn anh L có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu chị T cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng.

Về tài sản chung và công nợ chung của vợ chồng: Anh L trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án nhân dân huyện Tuyên Hoá đã triệu tập các bên đương sự đến tại Toà án để lấy lời khai, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng đã bị rạn nứt giữa chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn L nhưng tại phiên hòa giải anh L tự ý bỏ về không xin phép và không nói rõ lý do, có thái độ chống đối và thiếu sự hợp tác với Tòa án. Vì vậy Tòa án đã lập biên bản không hòa giải được. Trong những lần Tòa án triệu tập tiếp theo chỉ có mặt chị T

còn anh L vắng mặt nên Toà án nhân dân huyện Tuyên Hoá không thể thực hiện việc hoà giải cho các đương sự theo thủ tục được.

Toà án nhân dân huyện Tuyên Hoá đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật. Tại phiên toà nguyên đơn chị Nguyễn Thị T có mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn L vì mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, vợ chồng sống ly thân đã lâu, tình cảm vợ chồng nay không còn nữa nên chị có nguyện vọng xin được ly hôn với anh L để ổn định cuộc sống riêng. Bị đơn anh Trần Văn L vắng mặt tại phiên toà không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn L tìm hiểu và kết hôn với nhau trên cơ sở hai bên tự nguyện, không bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K vào ngày 25/5/2018. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại gia đình chồng ở thôn L, xã K, huyện H, tỉnh Quảng Bình. Thời gian đầu tình cảm vợ chồng đầm ấm hạnh phúc, lẽ ra vợ chồng phải biết vun đắp tình cảm để cuộc hôn nhân ngày càng bền vững, hạnh phúc. Nhưng do lỗi cả hai phía, trong cuộc sống vợ chồng thiếu sự thông cảm với nhau. Khi mâu thuẫn xảy ra hai bên không biết cách khắc phục, chị T bỏ về nhà ngoại ở và làm việc từ đó đến nay nên mâu thuẫn vợ chồng kéo dài không giải quyết được. Vợ chồng sống ly thân mỗi người mỗi nơi, hai bên bỏ mặc không quan tâm lẫn nhau. Hiện tại chị T ở tại thôn 1 xã T, huyện H còn anh L ở thôn L, xã K, huyện H. Quá trình giải quyết Tòa án triệu tập anh L nhiều lần nhưng anh L chỉ đến Tòa án một lần nhưng khi tiến hành hòa giải anh L đã không hợp tác và tự ý bỏ về không có lý do, sau đó thì vắng mặt tại các phiên hòa giải tiếp theo nên nên Tòa án không thể tiến hành hoà giải để giúp vợ chồng hàn gắn tình cảm trở về đoàn tụ, anh L trình bày trong bản tự khai đồng ý ly hôn với chị T vì tình cảm vợ chồng thực sự không còn nữa. Tại phiên tòa anh Trần Văn L tiếp tục vắng mặt không rõ lý do mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai.

Xét tình trạng vợ chồng hiện tại Hội đồng xét xử thấy rằng: Mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không khắc phục được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn không đạt được. Vợ chồng sống ly thân với nhau từ năm 2019 cho đến nay, hai bên bỏ mặc không quan tâm lẫn nhau. Hiện tại tình cảm vợ chồng thực sự không còn. Nếu duy trì cuộc hôn nhân này sẽ không có lợi cho cả hai phía, nguyện vọng xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T là hoàn toàn chính đáng và có căn cứ. Vì vậy Hội đồng xét xử cần chấp nhận và áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự để xét xử vắng mặt anh Trần Văn L và xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn L là phù hợp.

[2] Về con chung của vợ chồng: Theo lời trình bày của hai bên: Vợ chồng có một con chung là cháu Trần Thị Thiện N, sinh ngày 10/11/2019 hiện nay cháu đang ở với mẹ. Quá trình giải quyết cả chị T và anh L đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con. Tại phiên tòa, Chị T yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng). Anh L không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng. Xét thấy nguyện vọng của các bên là chính đáng. Tuy nhiên từ trước đến nay cháu Trần Thị Thiện N vẫn ở với chị T tại gia đình ngoại, đã quen dần cuộc sống hiện tại. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cũng như ổn định cuộc sống của cháu, mặt khác cháu còn nhỏ cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của người mẹ hơn. Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình để giao con cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Đồng thời cần áp dụng Điều 107, Điều 110 và Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình buộc anh Trần Văn L có nghĩa vụ phải cấp dưỡng nuôi con cho cháu Trần Thị Thiện N mỗi tháng 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) đến lúc con trưởng thành đủ 18 tuổi là phù hợp.

[3] Về tài sản và công nợ chung của vợ chồng: Không có hai bên không yêu cầu Toà án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000đ theo biên lai số 0000106 ngày 29 tháng 6 năm 2022 nay phải chịu toàn bộ khoản án phí.

Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Trần Văn L phải chịu 300.000đ theo qui định của pháp luật.

Từ những căn cứ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 2 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự: Xử vắng mặt anh Trần Văn L và công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn L.

2. Về con chung: Áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình xử: Giao cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con là Trần Thị Thiện N, sinh ngày 10/11/2019. Áp dụng Điều 107, Điều 110, Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình buộc anh Trần Văn L có nghĩa vụ phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) kể từ tháng 10 năm 2022 đến khi cháu Trần Thị Thiện N đủ 18 tuổi.

Không ai được ngăn cản việc đi lại, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung, khi cần thiết vì lợi ích của con, một trong hai bên có quyền làm đơn yêu cầu Toà án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại khoản 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về tài sản và công nợ chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn L không yêu cầu Toà án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000đ theo biên lai số 0000106 ngày 29 tháng 6 năm 2022 nay phải chịu toàn bộ nhưng được khấu trừ hết số tiền trên. Vậy chị T đã nộp đủ khoản án phí dân sự sơ thẩm.

Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Trần Văn L phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Tuyên bố nguyên đơn chị Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/9/2022). Riêng anh Trần Văn L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án, hoặc ngày niêm yết bản sao bản án tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã K, huyện H nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của anh Trần Văn L.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Tuyên Hoá;
- Chi cục THADS huyện Tuyên Hoá;
- Đường sự;
- UBND xã K;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

ĐÃ KÝ

Đoàn Thị Bích Thủy